

Số: 385/BC - HĐND

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động năm 2014, phương hướng, nhiệm vụ năm 2015 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

1. Tình hình chung:

Thực hiện Nghị quyết số 75/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2013 về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Dân tộc xây dựng Chương trình hoạt động năm 2014 và cụ thể hóa bằng kế hoạch 6 tháng, kế hoạch hàng tháng, hàng tuần; kế hoạch khảo sát, giám sát thường xuyên, kế hoạch khảo sát, giám sát chuyên đề.

Các thành viên trong Ban đều là lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh và huyện, mặc dù công việc chuyên môn nhiều nhưng trong quá trình hoạt động đã sắp xếp công việc, bố trí thời gian để tham gia các đợt giám sát, khảo sát, nghiên cứu tài liệu để phục vụ cho việc giám sát theo đúng qui định.

Lãnh đạo Ban phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng Chương trình và thời gian các cuộc giám sát, khảo sát đảm bảo khoa học, bám sát nhiệm vụ được giao không bị chông chéo với hoạt động của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

Các nhiệm vụ đề ra đều được các thành viên tích cực thực hiện, bình quân các cuộc giám sát, khảo sát có trên 70% thành viên tham gia. Lãnh đạo Ban và các thành viên đã trực tiếp nắm tình hình cơ sở, nghiên cứu báo cáo của các đơn vị được giám sát và tài liệu có liên quan, tham gia phát biểu thảo luận, có nhiều đóng góp thiết thực để nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban.

2. Về hoạt động giám sát, khảo sát chuyên đề

Năm 2014, Ban Dân tộc HĐND giám sát 02 chuyên đề:

1.1. Chuyên đề về “Thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý khai thác các công trình nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn các huyện miền núi”.

Ban xây dựng đề cương, kế hoạch giám sát, khảo sát gửi đến các đơn vị và yêu cầu báo cáo theo đề cương, bộ phận chuyên trách tổng hợp nghiên cứu, xem xét trước khi tiến hành giám sát, khảo sát.

Với chuyên đề này, Ban đã tổ chức 13 cuộc giám sát, khảo sát tại các huyện miền núi, trung tâm nước sạch và Ban Dân tộc tỉnh. Các cuộc giám sát đều có sự chuẩn bị kỹ về nội dung, thời gian, địa điểm tổ chức giám sát. Các cuộc giám sát đều xuống tận công trình và đối tượng thụ hưởng, để kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện.

Qua giám sát, Ban làm rõ những ưu điểm, tồn tại hạn chế và nguyên nhân trong tổ chức thực hiện, đồng thời đưa ra các kiến nghị sát với thực tế, đề

ng nghị với Chính phủ, Thủ Tướng Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương, UBND và các ngành cấp tỉnh.

Các cấp, các ngành đã quan tâm chỉ đạo thực hiện việc đầu tư xây dựng, quản lý các công trình theo các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh. Các công trình được đầu tư xây dựng đã giải quyết được một phần khó khăn về nước sinh hoạt của người dân và được nhân dân đồng tình ủng hộ. Có một số huyện, xã chỉ đạo các thôn, bản xây dựng qui chế quản lý vận hành, do vậy công trình đã phát huy hiệu quả tốt như: Các công trình trên địa bàn huyện Như Thanh; Xã Thiên Phú huyện Quan Hóa; Xã Thành Vân huyện Thạch Thành; Xã Cẩm Lương, xã Cẩm Bình huyện Cẩm Thủy; Xã Văn Nho; Ban Công; Kỳ Tân huyện Bá Thước...).

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số tồn tại hạn chế đó là:

Công tác khảo sát, thiết kế nhiều công trình không đúng thời điểm, chưa sát với thực tế, đại đa số các công trình chưa xây dựng được quy chế quản lý vận hành; triển khai thực hiện Chương trình nhiều bất cập, sự phối hợp chỉ đạo của Ban Dân tộc tỉnh (đối với Chương trình 134, 135) và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với Chương trình nước sinh hoạt tập trung) chưa chặt chẽ, công tác quản lý dự án thiếu công khai, dân chủ, trách nhiệm của chủ đầu tư hạn chế, ý thức bảo vệ, khai thác, sử dụng công trình của một bộ phận người dân kém; đa số các công trình xây dựng xong chậm bàn giao cho địa phương quản lý, sử dụng, dẫn đến một số công trình hiệu quả thấp, đầu tư lãng phí, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra như: Công trình bản Na Áu xã Tam Thanh; bản Chè xã Trung Tiến, bản Máy xã Trung Thượng, huyện Quan Sơn; bản Pù Ngùa, bản Cá Tóp, Pá Quán, xã Pù Nhi huyện Mường Lát; bản Khiêu xã Xuân Phú, huyện Quan Hóa; thôn Cẩm Bộ, xã Thành Minh huyện Thạch Thành; thôn Thanh Bình xã Thanh Xuân huyện Như Xuân; thôn Đô Sơn xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc...

1.2. Giám sát việc thực hiện kiến nghị sau giám sát về thực hiện hợp phần Hỗ trợ sản xuất theo Nghị quyết 30a (tại 07 huyện nghèo), các kiến nghị thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới tại 11 huyện miền núi.

Sau hai năm thực hiện các kiến nghị của Ban, các huyện nghèo trong tỉnh tổ chức triển khai thực hiện hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất theo Nghị quyết 30a với kinh phí Nhà nước hỗ trợ cho các huyện là 104.580 triệu đồng với trên 50 nghìn hộ dân được thụ hưởng chính sách. Các huyện đã chủ động xây dựng hàng trăm mô hình, đến nay có một số mô hình đang phát huy hiệu quả và được nhân ra diện rộng như: Mô hình bón phân viên nén dúi sâu ở Như Thanh; mô hình chăn nuôi gà trên nền đệm lót sinh học tại xã Bình Lương huyện Như Xuân; mô hình trồng Vầu tại xã Tam Lu huyện Quan Sơn; mô hình nuôi vịt Cỏ Lũng tại Quốc Thành huyện Bá Thước... Theo báo cáo các huyện, hiệu quả kinh tế từ các mô hình đem lại cho các hộ gia đình hàng năm thu nhập đạt từ 20 - 35 triệu đồng, cá biệt có hộ đạt trên 100 triệu đồng/năm, tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm giảm từ 5 - 6%, trình độ dân trí không ngừng được nâng lên, văn hóa - xã hội có bước phát triển, hệ thống chính trị ở cơ sở không ngừng được tăng cường.

Song song với việc triển khai hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn các huyện 30a thì việc triển khai, tổ chức thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới cho 11 huyện miền núi trong tỉnh được cấp ủy, chính quyền quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện, trong hai năm qua các huyện miền núi trong tỉnh được hỗ trợ trên 12 tỷ đồng với số hộ được thụ hưởng là 4100 hộ. Các mô hình được lựa chọn chủ yếu là chăn nuôi bò, lợn nái sinh sản, nuôi lợn cỏ, mô hình trồng mít thái... Tổ chức thực hiện tốt Chương trình này là huyện Như Thanh, huyện Thạch Thành, mô hình nuôi bò nhốt chuồng tại xã Lam Sơn huyện Ngọc Lặc...

Bên cạnh những kết quả đạt được sau hai năm thực hiện chính sách còn tồn tại hạn chế đó là: Một số chính sách như khai hoang, phục hóa, trồng cỏ, làm chuồng trại chưa thực hiện. Các mô hình khuyến nông, khuyến lâm mức hỗ trợ thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu. Hỗ trợ mua trâu, bò tuy đã được nâng lên 07 triệu đồng, nhưng so với giá thực tế thì rất khó khăn cho hộ nghèo. Xuất khẩu lao động đạt thấp chưa đảm bảo kế hoạch, phần lớn lao động chưa qua đào tạo, thị trường xuất khẩu chủ yếu ở các nước có thu nhập thấp, chưa khuyến khích được đối tượng lao động. Một số huyện, phòng nông nghiệp tham mưu cho Chủ tịch UBND về thực hiện chính sách không đúng theo Thông tư số 08/2009/TT-BNN và các hướng dẫn của tỉnh như: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo Nghị quyết 30a tại thôn Tôm xã Ban công, huyện Bá Thước (số tiền tuy không vượt nhưng mỗi hộ được hưởng một lúc nhiều loại), hỗ trợ phát triển sản xuất theo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới ở thôn Ngã Ba xã Phúc Thịnh huyện Ngọc Lặc mô hình nuôi lợn cỏ (hỗ trợ vượt quá 5 triệu/hộ)...

Hộ nghèo, cận nghèo tham gia thụ hưởng chính sách hỗ trợ sản xuất theo Nghị quyết 30a được đầu tư vào thực hiện các mô hình chăn nuôi kết quả thực hiện còn thấp, không nhân rộng được mô hình, hầu hết là hỗ trợ giống, phân bón và ứng dụng khoa học kỹ thuật, kết thúc sau chu kỳ sản xuất.

Đối với hỗ trợ phát triển sản xuất theo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đối tượng tham gia thụ hưởng phần lớn là hộ khá, giàu, nên có khả năng duy trì và nhân ra diện rộng.

Qua giám sát, khảo sát Ban nhận thấy, những nội dung kiến nghị được UBND và các ngành cấp tỉnh, UBND các huyện miền núi có nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện như: Thông báo kết luận số 101/TB-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bàn giải pháp hỗ trợ phát triển sản xuất theo Nghị quyết 30a; Hướng dẫn số 1594 liên ngành Sở Nông nghiệp - Sở tài chính - Sở lao động về thực hiện dự án mua trâu, bò cái sinh sản cho hộ nghèo; Kế hoạch số 87/KH-BCĐ ngày 24 tháng 10 năm 2012 về điều tra rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2012; Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo nhanh và bền vững ở các huyện miền núi trong tỉnh đến năm 2020; Quyết định số 728/2013/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2013 về ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ nông thôn mới đến năm 2015; Hướng dẫn số 1487/HDLN-SNN&PTNT-Sở tài chính ngày 13 tháng 8 năm 2012 hướng dẫn thực hiện dự án hỗ trợ sản xuất và ngành nghề

nông thôn thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới...Nên những tồn tại hạn chế mà Ban kiến nghị đến nay cơ bản đã được thực hiện. Tuy nhiên cũng còn một số tồn tại chưa thực hiện được đó là:

Việc kiểm kê xác định số trâu, bò bán, chết đã được thực hiện, nhưng đến nay chưa có hộ nào mua lại và chính quyền chưa có biện pháp chỉ đạo thu hồi số tiền Nhà nước hỗ trợ.

Không xây dựng kế hoạch hàng năm về hỗ trợ hệ thống chuồng trại, diện tích trồng cỏ, trồng thức ăn chăn nuôi.

Khuyến nông viên thôn, bản đến nay còn 03 huyện vẫn chưa hợp đồng đủ số lượng như huyện Bá Thước (203/225 thôn,bản), huyện Quan Sơn (92/99 thôn, bản), Thường Xuân (122/140 thôn, bản), bên cạnh đó chất lượng chuyên môn của cán bộ khuyến nông viên chưa đáp ứng được yêu cầu, trách nhiệm kém, chưa chủ động tham mưu cho UBND xã và trạm khuyến nông huyện theo nhiệm vụ được giao; chưa mở sổ theo dõi quản lý Dự án đầu tư hỗ trợ, chưa hướng dẫn cho hộ kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi.

Việc lựa chọn nội dung đầu tư hỗ trợ, đối tượng thực hiện chưa được tập thể bàn bạc sâu sắc, quá trình tổ chức thực hiện thiếu công khai, phối hợp chỉ đạo thiếu đồng bộ; chưa được kiểm tra, giám sát, đánh giá thường xuyên nên một số mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất theo Nghị quyết 30a hiệu quả chưa cao, khả năng duy trì và nhân ra diện rộng thấp, bình xét đối tượng tham gia còn biểu hiện thiếu công khai, hỗ trợ nguồn vốn xây dựng mô hình chưa hợp lý.

Các mô hình chăn nuôi đại đa số các hộ không duy trì được lâu, hệ thống chuồng trại tạm bợ; mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, nhiều hộ chỉ thực hiện khi Nhà nước hỗ trợ, hết hỗ trợ thì không làm nữa.

Kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất theo Chương trình xây dựng nông thôn mới có từ 31,5 triệu – 34 triệu đồng/ xã là quá ít.

3. Hoạt động thẩm tra

Được sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, tại kỳ họp thứ 10 và thứ 11, Ban Thẩm tra báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh của UBND tỉnh 6 tháng đầu năm và cả năm 2014 (Phần liên quan đến miền núi, dân tộc), thẩm tra tờ trình, dự thảo Nghị quyết về việc bãi bỏ Nghị quyết số 143/2009/NQ – HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ 14.

4. Hoạt động kỳ họp

Tham gia đầy đủ các kỳ họp của HĐND, chuẩn bị đầy đủ các nội dung liên quan đến hoạt động của Ban trình HĐND tỉnh tại kỳ họp theo Luật định, ngoài ra, Ban thực hiện một số nhiệm vụ khác khi được Thường trực phân công, chuẩn bị các câu hỏi chất vấn và tham gia chất vấn tại kỳ họp.

Tham gia với Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chuẩn bị nội dung, Chương trình kỳ họp lần thứ 10, thứ 11 của HĐND tỉnh khóa XVI, như: Hoàn thành báo cáo hoạt động, báo cáo kết quả giám sát chuyên đề, báo cáo thẩm tra dự thảo nghị quyết phục vụ kỳ họp.

5. Hoạt động phối hợp

Tham gia với Đoàn giám sát của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội về giám sát thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, xung yếu và rất xung yếu của rừng phòng

hộ, khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng giai đoạn 2006 – 2010 và định hướng đến năm 2020, tại huyện Thường Xuân và huyện Quan Sơn. Phối hợp với Thường trực HĐND các Ban HĐND giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐND, kiến nghị của các Ban, kiến nghị của cử tri về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh tại các huyện Thạch Thành, Cẩm Thủy và Lang Chánh.

6. Đánh giá chung

Năm 2014 nội dung hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra của Ban, đã được lãnh đạo Ban và các thành viên thực hiện nghiêm túc trách nhiệm và đã hoàn thành tốt các nội dung giám sát, khảo sát, thẩm tra mà Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giao

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2015:

Phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại hạn chế, chủ động xây dựng chương trình kế hoạch giám sát chuyên đề năm 2015 được HĐND tỉnh giao.

1. Hoạt động giám sát, khảo sát.

a. Giám sát, khảo sát chuyên đề:

Giám sát việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ học sinh các trường tiểu học, trung học cơ sở bán trú và trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 85/QĐ-TTg; Quyết định số 12/QĐ-TTg; Quyết định số 36/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ.

b. Giám sát, khảo sát thường xuyên:

- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát tại kỳ họp thứ 10 HĐND tỉnh khóa XVI; các chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia, chính sách của tỉnh về việc đầu tư, hỗ trợ cho vùng đồng bào miền núi, dân tộc.

- Đôn đốc thực hiện kiến nghị của cử tri và của Ban tại kỳ họp thứ 10, 11 HĐND tỉnh khóa XVI.

2. Hoạt động kỳ họp

Tham gia với Thường trực và các Ban của HĐND tỉnh chuẩn bị báo cáo, tờ trình khi được phân công, chuẩn bị nội dung, Chương trình kỳ họp lần thứ 12, 13, HĐND tỉnh khóa XVI.

Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

Nơi nhận:

- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu tham dự kỳ họp;
- Lưu: VT, DT.



Nguyễn Văn Thành